TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2022/HC-PT
Ngày: 12/01/2022
V/v Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Trí Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Phan Tô Ngọc**

Ông **Phan Nhựt Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 177/2021/HCPT ngày 08/3/2021 về việc *"Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1029/2021/QĐ - PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 119, NVT, khu phố 10, phường 2, TP. BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Ch, sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, thôn ĐT, xã ĐM, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận. Theo giấy ủy quyền ngày 19 tháng 12 năm 2019.

2. Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HTB.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Th - Phó Chủ tịch. Ông Nguyễn Ngọc Th (có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Trần Văn E, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện HTB.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện HTB (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Lê Thị S có bà Nguyễn Thị Mỹ H (chấm dứt ủy quyền ngày 11/5/2020) đại diện trình bày:

Ngày 12/7/2017, Chủ tịch ủy ban nhân dân (UBND) huyện HTB ban hành Quyết định số 4613/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị S thường trú tại phường 2, TP. BL, tỉnh Lâm Đồng.

Nội dung kết luận của UBND huyện:

- Nguồn gốc diện tích đất này là do UBND xã ĐM quản lý từ khi thành lập xã năm 2002. Như vậy, nguồn gốc đất này do ai khai hoang, UBND xã ĐM khai hoang lúc nào hay là thấy thửa đất này đẹp rồi UBND xã ĐM đưa vào quy hoạch. Trong khi đó chưa có quyết định thu hồi thửa đất trên.

- Giấy nhận chuyển nhượng đứng tên bà Phan Thị Thanh Th1 (con ông H1 bà L) là người được xác lập hợp pháp, bởi vì ông H1 chết vào năm 2003, khi đó bà Thảo còn nhỏ; tại thời điểm này toàn bộ việc sang nhượng đất đai của tất cả các hộ dân diễn ra ở xã ĐM đều bằng giấy viết tay, nên việc bà Thảo viết giấy sang nhượng đất cho bà S là hoàn toàn hợp pháp. Từ trước năm 2003 có trồng cây cà phê và cây ăn quả đến năm 2010 thì bà S cho thuê làm bãi chứa vật liệu nên Công ty Mê Kông đã san ủi lấp hết. Từ năm 2007 đến nay bà S đã nhờ bà Phan Thị Ch có nhà và đất liền kề trông coi hộ thửa đất trên.

Đối với tờ trình đề ngày 13/12/2010, đơn xin san lấp mặt bằng đề ngày 20/12/2010 và hợp đồng thuê mặt bằng đề ngày 15/9/2012 về việc Công ty TNHH DVTM SX-XD Đông Mê Kông thuê diện tích đất nói trên, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và quyền sử dụng đất của bên cho thuê đất là không đúng. Bởi theo khoản 1 Điều 145 Bộ luật dân sự sửa đổi hiện hành thì các hợp đồng ký tay đều có giá trị pháp lý.

Đối với tài liệu là tờ bản đồ giải thửa và bảng thống kê diện tích, loại đất quy chủ cho bà Lê Thị S mà hồ sơ này không phải là hồ sơ địa chính được lưu trữ, quản lý tại xã ĐM… Tài liệu này năm 2010 do nhu cầu thuê mặt bằng của Công ty Đông Mê Kông yêu cầu phải có tài liệu chứng minh là đất của mình thì Công ty mới chịu thuê, do đó bà S đã nhờ ông Nguyễn Văn Tấn lúc bấy giờ là Chủ tịch UBND xã ĐM, ông Tấn đề nghị ông Nguyễn Thạch Lam là Công chức địa chính trích lục bản đồ và danh sách hộ có trong bản đồ đưa cho bà S. Bản đồ và danh sách bà S không thể tự làm được.

Việc bà S thuê bà Phan Thị Ch phát dọn đất do UBND xã ĐM quản lý để trồng mít là hành vi lấn chiếm đất công đã được UBND xã ĐM lập biên bản vi phạm hành chính về xử phạt trong lĩnh vực đất đai. Ngày 26/10/2016, Chủ tịch UBND xã ĐM đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-XPHC xử phạt hành chính đối với hành vi nói trên của bà Lê Thị S, với số tiền phạt là 4.000.000đồng và buộc bà S khôi phục lại hiện trạng của thửa đất…thực tế Quyết định số 100/QĐ-XPHC đề ngày 26/10/2016 UBND xã ĐM chuyển phát nhanh dấu bưu điện ghi ngày 16/5/2017 thì ngày 22/5/2017 tôi mới nhận được quyết định trên (gần 7 tháng).

Trong thời gian thụ lý vụ việc, UBND huyện HTB đề nghị người khởi kiện đưa ra chứng cứ và nhân chứng để chứng minh nguồn gốc là đất của mình, nhưng tại cuộc đối thoại ngày 09/6/2017 các ý kiến và nhân chứng của bà S đều bị các thành viên trong ngày đối thoại bác bỏ. Bà S có đề nghị UBND huyện đưa ra những chứng cứ để xác định là đất công thì không được hội đồng chấp nhận và cho rằng bà S không có quyền yêu cầu nội dung này.

Không đồng ý với nội dung kết luận tại Quyết định 4613 nêu trên; nay bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án xử tuyên hủy Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện HTB về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị S. Công nhận diện tích đất bà S khiếu nại là 4.825m^2 tọa lạc tại tổ 1, thôn ĐT, xã Đami, huyện HTB cho bà S. Bởi lẽ: Nguồn gốc đất mà bà S yêu cầu được công nhận có nguồn gốc là do ông Phan Năng Hiếu (cha ruột bà Phan Thị Thanh Th1, đã chết năm 2003) khai hoang năm 1995. Năm 2007, bà S đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên từ bà Phan Thị Thanh Th1 bằng giấy viết tay đối với diện tích 2.000m^2 tại tổ 1 thôn ĐT, xã ĐM (thể hiện tại giấy thỏa thuận đề ngày 02/3/2007 lập tại TP. BL, tỉnh Lâm Đồng). Sau khi nhận chuyển nhượng, bà S thuê bà Phan Thị Ch (bà Sáu Hưởng bạn của bà S, người có đất giáp ranh đất của bà S) trồng cây ăn trái (xoài, mít, chuối…). Đến năm 2010, bà S cho Công ty Mê Kông, đại diện là ông Hồ Sỹ Hiệp (hiện nay tôi không rõ ở đâu) ký giấy tờ thuê đất (Công ty Mê Kông có trả tiền thuê đất cho bà S, với số tiền 3.000.000đồng/tháng) để tập kết vật liệu phục vụ công trình nâng cấp đường Quốc lộ 55 và Công ty Mê Kông đã san ủi toàn bộ cây ăn trái, hoa màu trên đất để tập kết vật liệu, sử dụng đến năm 2014 thì Công ty trả lại đất cho bà S. Đất bỏ trống đến năm 2016 thì bà S tiếp tục thuê bà Phan Thị Ch trồng mít (khoản 70 cây mít).

Ý kiến của đại diện theo ủy quyền người bị kiện có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Nguồn gốc diện tích đất 2.100m^2 (30m x 70m) tọa lạc tại tổ 1, thôn ĐT, xã ĐM là đất do UBND xã ĐM quản lý từ khi thành lập xã ĐM. Qua kiểm tra bản đồ đo đạc năm 2003 (thời điểm thành lập xã ĐM) diện tích đất nói trên thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 07, với diện tích 2.800m^2, loại đất chuyên dùng (CD) và UBND xã ĐM đã có kế hoạch sử dụng đất để xây dựng trạm y tế xã ĐM được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 2790/QĐ/KH-VX ngày 06/9/2002 của Giám đốc sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Thuận, về việc Phê duyệt báo cáo đầu tư Công trình Trạm y tế xã ĐM, huyện HTB. Tuy nhiên, khi triển khai do vướng một phần diện tích đất

chưa được điều chỉnh ra khỏi quy hoạch 03 loại rừng, nên việc xây dựng Trạm y tế xã chuyển sang vị trí khác. Do đó, UBND xã ĐM điều chỉnh đưa diện tích này vào quy hoạch xây dựng nhà văn hóa xã và được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 31/12/2013, về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 – 2015) của xã ĐM, huyện HTB.

Các giấy tờ bà S cung cấp để chứng minh quyền sử dụng đối với diện tích đất nói trên thuộc của bà S là không có căn cứ, cụ thể:

+ Giấy nhận chuyển nhượng đứng tên bà Phan Thị Thanh Th1 (con ông H1, bà L) là người không được xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp, vì bà S không cung cấp được các loại giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất hợp pháp của ông Phan Năng Hiếu, bà Nguyễn Thị Tuyết Lan và bà Phan Thị Thanh Th1 (vợ, con ông H1). Đồng thời, qua xác minh quá trình sử dụng đất có khiếu nại sau khi ông Phan Năng Hiếu chết năm 2003 đến nay không ai canh tác, sử dụng. Do đó, việc chuyển nhượng diện tích đất trên giữa bà Phan Thị Thanh Th1 và bà Lê Thị S bằng giấy viết tay trong năm 2007 là không hợp pháp, nên không có cơ sở chứng minh diện tích đất bà S có yêu cầu khởi kiện thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà S.

+ Đối với tờ trình đề ngày 13/12/2010 và đơn xin san lấp mặt bằng đề ngày 20/12/2010 về việc cho Công ty Đông Mê Kông thuê diện tích đất nói trên do bà Lê Thị S tự lập và đưa ông Vũ Đình Ban – Trưởng thôn ĐT ký xác nhận. Đây không phải giấy tờ về quyền sử dụng đất, nên không đủ cơ sở chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Lê Thị S.

+ Đối với tài liệu là Tờ bản đồ giải thửa và Bảng thống kê diện tích, loại đất quy chủ cho bà Lê Thị S do bà S cung cấp, qua kiểm tra thì tài liệu này không phải là hồ sơ địa chính đươc lưu trữ, quản lý tại xã ĐM.

+ Đối với Hợp đồng đề ngày 15/9/2012, về việc thuê mặt bằng diện tích đất trên để tập kết vật liệu giữa bà Lê Thị S với ông Nguyễn Viết Cường – Đại diện Công ty Đông Mê Kông. Hợp đồng này là thỏa thuận giữa hai bên, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về quyền sử dụng đất hợp pháp của bên cho thuê đất.

+ Việc bà Lê Thị S thuê bà Phan Thị Ch phát dọn đất do UBND xã ĐM quản lý để trồng mít trong năm 2016 là hành vi lấn chiếm đất công và đã được UBND xã ĐM lập biên bản vi phạm hành chính về xử phạt trong lĩnh vực đất đai. ngày 26/10/2016, Chủ tịch UBND xã ĐM đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nói trên của bà Lê Thị S, với số tiền phạt là 4.000.000đồng và buộc bà S khôi phục lại hiện trạng của thửa đất trước khi vi phạm để trả lại diện tích đã lấn chiếm. Do đó, việc sử dụng đất rái phép này không được xác định là có quá trình sử dụng đất ổn định trên diện tích đất nói trên.

Như vậy, việc UBND huyện HTB ban hành Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị S, theo đó giữ nguyên

Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐM về việc giải quyết khiếu nại lần đầu theo đơn đề ngày 01/11/2016 của bà Lê Thị S là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện UBND xã Đami: Diện tích đất trên là đất do UBND xã ĐM quản lý, trước đây có kế hoạch xây dựng trạm y tế nhưng do vướng đất rừng nên chưa thực hiện được. Năm 2010, Công ty Mê Kông có tiến hành san ủi để đổ đá thì bị xã ngăn chặn. Sau đó, phía công ty có xin phép đổ đá để thực hiện đúng tiến độ của dự án thì được xã cho phép nhưng không lập văn bản vì đất do nhà nước quản lý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Áp dụng Điều 101 của Luật Đất Đai 2013; Điều 20, 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S:

+ Hủy Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện HTB về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị S.

+ Hủy Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐM về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị S.

+ Hủy Quyết định số 100/QĐ-XPHC ngày 26/10/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐM về việc xử phạt hành chính đối với bà Lê Thị S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 03/12/2015, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện HTB có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án Hành chính phúc thẩm số 841/2019/HC –PT ngày 20/11/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện HTB.

Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết sơ thẩm lại vụ án, Tại bản án Hành chính sơ thẩm số ***24/2020/HC –ST ngày 07/9/2020*** *đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S:

+ Hủy Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện HTB về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị S.

+ Hủy Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐM về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị S.

+ Hủy Quyết định số 100/QĐ-XPHC ngày 26/10/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐM về việc xử phạt hành chính đối với bà Lê Thị S.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 20/9/2020 Chủ tịch UBND huyện HTB có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 21/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị S đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận và kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện HTB. Sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, nghe các đương sự trình bày và tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện HTB và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Người bị kiện kháng cáo cho rằng diện tích đất 2.100m^2 tại tổ 1, thôn ĐT, xã ĐM bà Lê Thị S khiếu nại có nguồn gốc Chính phủ giao cho nhà máy thủy điện Hàm Thuận – ĐM sử dụng theo Quyết định số 189/TTg ngày 29/3/1997; từ năm 2008 trở đi thì UBND tỉnh Bình Thuận giao cho UBND xã ĐM quản lý theo Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 04/6/2008. Việc bà S cho rằng nhận chuyển nhượng đất từ ông Phan Năng Hiếu và sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay là không đúng.

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết khiếu nại:

Ngày 01 tháng 11 năm 2016, bà S nộp đơn khiếu nại Thông báo số 19/TB-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2016 của ủy ban nhân dân xã ĐM "về việc yêu cầu bà S nhô bỏ cây trông sai phạm trên diện tích đất do úy ban nhân dân xã Đa Mỉ quản lý đế xây dựng nhà Văn hóa".

Ngày 05 tháng 12 năm 2016, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã ĐaMi ban hành Quyêt định số 113/QĐ-UBND, giao cho Ban địa chính xã tiến hành xác nội dung khiếu nại theo đơn đề ngày 01 tháng 11 năm 2016 của bà Lê Thị S về việc: "Bà Lê Thị S khiêu nại hành vi hành chính của Uy ban nhãn dân xa Đa Mỉ, lợi dụng chức vụ, quyên hành, áp đặt, không dân chủ, thiếu tôn trọng đôi với bản thân bà S. Cụ thê: Uy ban nhân dân xã không tô chức gặp mặt và vận động bà S hiên đất hoặc hoán đôi cho bà S diện tích đất khác đê lay diện tích đất của bà S xây nhà Vãn hóa. Ngược lại úy ban nhân dân xã làm việc với bà S và thông báo diện tích đất này là đất công, đề nghị bà S nho bỏ cây trồng đê xây dựng nhà Văn hóa".

Chủ tịch UBND xã ĐM ban hành Quyết định số 100/QĐ-XPHC ngày 26/10/2016, về việc xử phạt hành chính đối với bà Lê Thị S số tiền 4.000.000 đồng, buộc bà S tự khôi phục lại tình trạng của thửa đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm.

Chủ tịch UBND xã ĐM ban hành Quyêt định số 125/QĐ-ƯBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 "Không thừa nhận diện tích đất nêu trong đcm thuộc quyên sử dụng của bà Lê Thị S và không công nhận toàn bộ nội dung khiêu nại của bà Lê Thị S".

Bà Lê Thị S tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện HTB ban hành Quyết định số 413/QĐ –UBND ngày 12/7/2017 với nội dung giữ nguyên Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã ĐM

Bà Lê Thị S khiếu nại việc ủy ban nhân dân xã ĐM "yêu cầu bà S nhổ bỏ cây trồng sai phạm trên diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã Đa Mỉ quản ỉý để xây dụng nhà Văn hóa" nhưng Quyết định số 125/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã ĐM lại giải quyết "Không thừa nhận diện tích đất nêu trong đơn thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị S" là không đúng với nội dung khiếu nại và sai thẩm quyền.

[2.2] Về nội dung:

Theo bà Lê Thị S thì thửa đất mà bà S yêu cầu được công nhận có nguồn gốc là do ông Phan Năng Hiếu (cha ruột bà Phan Thị Thanh Th1, đã chết năm 2003) khai hoang năm 1995. Năm 2007, bà S đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên từ bà Phan Thị Thanh Th1 bằng giấy viết tay đối với diện tích 2.000m² tại tổ 1 thôn ĐT, xã ĐM (thể hiện tại giấy thỏa thuận đề ngày 02/3/2007 lập tại TP. BL, tỉnh Lâm Đồng). Sau khi nhận chuyển nhượng, bà S thuê bà Phan Thị Ch trồng cây ăn trái (xoài, mít, chuối...). Đến năm 2010, bà S cho Công ty Mê Kông thuê diện tích đất này với số tiền 3.000.000đồng/tháng để tập kết vật liệu phục vụ công trình nâng cấp đường Quốc lộ 55. Sau khi nhận thuê đất, Công ty Mê Kông đã san ủi toàn bộ cây ăn trái, hoa màu trên đất để tập kết vật liệu, sử dụng đến năm 2014 thì Công ty trả lại đất cho bà S.

Đến năm 2016, bà S tiếp tục thuê bà Phan Thị Ch trồng mít (khoản 70 cây mít) thì Ủy ban nhân dân xã ĐM ra Thông báo số 19/TB-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2016 "Vê việc yêu câu bà S nhổ bỏ cây trồng sai phạm trên diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã ĐM quản lý đê xây dựng nhà Văn hóa".

Theo ủy ban nhân dân huyện HTB thì nguồn gốc diện tích đất 2.100m² (30m X 70m) tọa lạc tại tổ 1, thôn ĐT, xã ĐM là đất do Uỷ ban nhân dân xã ĐM quản lý từ khi thành lập xã ĐM. Qua kiểm tra bản đồ đo đạc năm 2003 (thời điểm thành lập xã ĐM) diện tích đất nói trên thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 07, với diện tích 2.800m2, loại đất chuyên dùng (CD) và uỷ ban nhân dân xã ĐM đã có kế hoạch sử dụng đất để xây dựng trạm y tế xã ĐM được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 2790/QĐ/KH-VX ngày 06/9/2002 của Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận, về việc Phê duyệt báo cáo đầu tư Công trình Trạm y tế xã ĐM, huyện HTB. Tuy nhiên, khi triển khai do. vướng một phần diện tích đất chưa được điều chỉnh ra khỏi quy hoạch 03 loại rừng, nên việc xây dựng Trạm y tế xã chuyên sang vị trí khác. Sau đó, Uỷ ban nhân dân xã ĐM điều chỉnh đưa diện tích này vào quy hoạch xây dựng nhà văn hóa xã và được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 31/12/2013, về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 -2015) của xã ĐM, huyện HTB.

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá lời trình bày của các bên đương sự và những chứng cứ đã thu thập được thể hiện:

Ông Phan Năng Hiếu (chết năm 2003) có vợ là Nguyễn Thị Tuyết Lan (chết năm 2006) và có một người con là Phan Thị Thanh Th1. Khoảng thời gian từ năm 1994 - 1995 khi Nhà nước có chủ trương xây dựng Nhà máy điện Mi, ông Phan Năng Hiếu có khai phá một thửa đất tại xã La Dạ để tập tận thu lâm sản lòng hồ thủy điện. Thời gian sau đó gia đình ông H1 có cất nhà gỗ, đào ao nuôi cá và trồng cây ăn trái. Việc sử dụng đất của gia đình ông H1 đã được thôn trưởng thôn ĐaTro là ông Nguyễn Hữu Dung, ông Mai Thanh Tòng - nguyên Trưởng Ban quảri lý rừng phòng hộ Hàm Thuận - ĐM, ông Nguyễn Đăng Quý, nguyên Cảnh sát bảo vệ dự án công trình xây dựng Nhà máy điện Hàm Thuận - ĐM (người có đất giáp ranh ông H1), ông Bùi

Quang Khánh, bà Phan Thị Ch, ông Vũ Đình Ban... là những người dân sống lâu năm và có đất gần bên ở địa phương xác nhận.

Theo số liệu bản đồ giải thửa xã ĐM được đo đạc năm 2003 do UBND xã ĐM cung cấp cũng như tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án thì diện tích đất do ông Phan Năng Hiếu khai phá nói trên nay thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.800m, loại đất chuyên dùng. Giáp ranh với thửa đất này là các thửa đất số 34 diện tích 100m² và thửa đất số 35, diện tích 3.250m² được quy chủ cho bà Nguyễn Thị Tuyết Lan (vợ ông H1). Qua đó chứng tỏ rằng, các thửa đất số 34, 35 và 36 trước đây đều chung một thửa và của cùng một chủ là ông Phan Năng Hiếu và bà Nguyễn Thị Tuyết Lan. Sau khi thành lập, do có nhu cầu sử dụng một phần để làm trạm y tế, làm nhà văn hóa nên UBND xã ĐM mới tự ý tách ra thành 03 thửa khác nhau.

Diện tích đất này do hộ ông Phan Năng Hiếu và bà Nguyễn Thị Tuyết Lan khai phá, hình thành từ đất rừng và sử dụng từ trước ngày thành lập xã ĐM. ủy ban nhân dân xã ĐM không phải là người khai phá, chưa hề có một tác động nào trên đất và cũng không thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất. Cho nên, việc Chủ tịch Ưy ban nhân dân xã ĐM cho ràng diện tích đất nói trên do UBND xã ĐM quản lý là không có cơ sở.

Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện thửa đất liên quan đến tranh chấp đã được đo vẽ hai lần theo hai tờ bản đồ:

- Tờ bản đồ và bảng thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng do người khởi kiện cung cấp thì thửa đất này mang số 29, thuộc tờ bản đồ số 86, diện tích 4.825m2 và được quy chủ cho bà Lê Thị S. Do ông Nguyễn Văn Tân ký.
- Tờ bản đồ và bảng thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng, do người bị kiện cung cấp thì thửa đất này mang số 36, thuộc tờ bản đồ số 07, diện tích 2.800m2, loại đất chuyên dùng, quy chủ cho Trạm y tế xã. Thuộc thôn Đa Guiri, không phải thôn ĐT.

Khoản 6 Điều 22, Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác nhận bản đồ địa chính: "Bản đô địa chính phải được đơn vị thỉ công kỷ xác nhận sàn phâm; đơn vị kiêm tra kỷ xác nhận chất lượng sản phâm; ủy ban nhân dân cấp xã ký xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng quản lỷ, sử dụng; Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt nghiệm thu chât lượng sản phâm đủ điều kiện đưa vào sử dụng tại vị trí phân ngoài khung bản đô theo mâu quy định tại diêm 1 mục III của Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này".

Theo sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận, Trung tâm Đo đạc và Lưu trữ địa chính tỉnh Bình Thuận cũng như UBND huyện HTB thì cả hai tờ bản đồ nêu trên đều chưa được cơ quan Nhà nước có thâm quyền xác nhận, nghiệm thu, phê duyệt. Cho nên cả hai tờ bản đồ đều chưa có giá trị pháp lý.

Từ đó, cấp sơ thẩm kết luận diện tích đất mà bà Lê Thị S khiếu nại có nguồn gốc do ông Phan Năng Hiếu và bà Nguyễn Thị Tuyết Lan khai phá, sử dụng. Sau khi ông Phan Năng Hiếu và bà Nguyễn Thị Tuyết Lan chết, con gái là Phan Thị Thanh Th1 đã chuyên nhượng thửa đất này cho bà Lê Thị S. Nên về mặt nguyên tắc, bà Lê Thị S là người được quyền tiếp tục sử dụng là có căn cứ.

Vì vậy cấp sơ thẩm đã hủy Quyết định số 100/QĐ-XPHC, ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã ĐM về việc xử phạt hành chính đối với bà Lê Thị S; Quyết định số 125/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã ĐM "Về việc giải quyết khiêu nại lân đâu của bà Lê Thị S" và Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 12/7/2017, của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện HTB.

Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên bác kháng cáo và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tổ tụng khác: Do bà Lê Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chủ tịch UBND huyện HTB phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện HTB và Quyết định kháng nghị số 67/QĐKNPT – VKS – HC ngày 21/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157 Luật Tố tụng hành chính; Điều 17, 18, 31, 32, 40 và Điều 42 Luật khiếu nại; Điều 204 Luật Đất đai;

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S:

Hủy Quyết định số 100/QĐ-XPHC, ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã ĐM về việc xử phạt hành chính đối với bà Lê Thị S

Hủy Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã ĐM về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị S;

Hủy Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện HTB về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Lê Thị S.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017400 ngày 13/10/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HTB phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐM phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thâm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND huyện HTB 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2013 - 0008962 ngày 07/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự
- Lưu (10) (ĐHV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Tuấn